

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-STC ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2026	Ước thực hiện		So sánh ước thực hiện (%)	
			03 tháng	Lũy kế đến hết 03 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	22.579	8.168	8.168	36,17	
I	Thu nội địa	21.203	7.813	7.813	36,85	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.376	353	353	25,68	
IV	Thu viện trợ				-	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	44.313	20.616	20.616	46,52	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	20.266	7.643	7.643	37,71	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	9.101	3.514	3.514	38,61	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	4.044	1.528	1.528	37,80	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	7.121	2.600	2.600	36,52	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	23.560	11.261	11.261	47,80	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	16.226	7.072	7.072	43,58	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.334	4.189	4.189	57,12	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư				-	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				-	
C	TỔNG CHI NSDP	44.313	17.213	17.213	38,84	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	44.252	11.543	11.543	26,08	
1	Chi đầu tư phát triển	13.846	1.037	1.037	7,49	
2	Chi thường xuyên	24.606	5.571	5.571	22,64	
3	Chi cho vay				-	
4	Chi viện trợ				-	
5	Chi trả nợ lãi	108			-	
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3			-	
7	Dự phòng ngân sách nhà nước	730			-	
8	Các nhiệm vụ chi khác (Chi tạo nguồn cải cách tiền lương)	604			-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	4.355	-	-	-	
1	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	4.355			-	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	